TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 285/2023/DS-PT
Ngày: 22-9-2023
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Tự

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Văn Tiến

ông Đinh Phước Hoà

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Dương Thị Tuyết Trinh, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đinh Văn Chánh, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 152/TLPT-DS ngày 01 tháng 8 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Trần Văn P, sinh năm: 1953, Nơi cư trú: thôn T, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:

1. Ông Trần Nhật H, sinh năm: 1982; Nơi cư trú: tổ B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

2. Ông Trần Nhật H1, sinh năm: 1984; Nơi cư trú: thôn N, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

3. Bà Trần Thị Trúc H2, sinh năm: 1986; Nơi cư trú: tổ B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Ông H, ông H1, bà H2 đều ủy quyền cho ông Trần Văn L, sinh năm: 1984; nơi cư trú: thôn T, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Trịnh Bình T, Luật sư Văn phòng L3; địa chỉ: G N, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn: ông Trần Sỹ H3, sinh năm: 1968; Nơi cư trú: thôn T, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Võ Hồng N, Luật sư Công ty L4, Đoàn Luật sư tỉnh B.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Phú Yên;
- Ủy ban nhân dân xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên;
- Bà Huỳnh Thị Kim L1, sinh năm: 1974; Nơi cư trú: thôn T, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (vợ ông H3).
- Ông Trần Văn X, sinh năm 1952; Nơi cư trú: thôn T,xã X, thị xã S.
- Bà Trần Thị H4, sinh năm 1939; Nơi cư trú: thôn H, xã X, thị xã S.

Người kháng cáo: bị đơn ông Trần Sỹ H3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/8/2020, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn trình bày:

Cha mẹ nguyên đơn là cụ Trần C, sinh năm 1907 chết năm 1984 và cụ Võ Thị M, sinh năm 1910 chết năm 1978, có 04 người con gồm: Trần Thị H4, Trần Đình H5 (tức P1), Trần Văn X và Trần Đình H6 (tức là Trần Văn P). Vào ngày 08/11/1973 hai cụ đã lập "Văn tự thuận di chúc" phân chia ruộng, đất cho các con được uỷ ban hành chính xã X chứng thực ngày 15/11/1973. Theo đó, ngoài ruộng, vườn sản xuất thì hai cụ đã lập di chúc cho ông Trần Đình H6 và ông Trần Đình H5 (tức P1, mất năm 1974) là cha của Trần Sỹ H3 "vườn dừa nhà ở", phần ông Trần Đình H5 1 sào. Phần ông Trần Văn P 0,5 sào. Có giới cận: Đông giáp: Nguyễn S; Tây giáp: Nguyễn H7; Nam giáp: Nguyễn Ấ, Bắc giáp: Trần Rình .

Sau khi có "văn tự thuận di chúc" của cha, mẹ (cùng ngày lập di chúc) thì ông Trần Đình H5 đã chỉ định phân chia cho nguyên đơn 0,5 sào tại vị trí phía Tây "vườn dừa nhà ở" trên đó có 50 cây dừa chỉ thể hiện bằng miệng nhưng có những người làm chứng cụ thể là bà Trần Thị H4 (chết), Trần Văn X, ông Phạm Tấn H8 (chết) xác nhận. Tuy nhiên sau khi được chỉ định ông P không rào giậu, quản lý phần đất này, không đăng ký kê khai sử dụng đất do ông đi lính, hiện nay không còn cây dừa như hiện trạng khi phân chia. Từ khi phân chia đất đến khi xảy ra tranh chấp, phần đất do nguyên đơn yêu cầu là do ông Trần Văn X trực tiếp quản lý vườn dừa, đến năm 2008 ông Trần Sỹ H3 trở về và trực tiếp sử dụng phần đất tranh chấp.

Năm 2019 ông Trần Sỹ H3 đã thực hiện việc kê khai, được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ diện tích 1,5 sào trong đó có cả phần nguyên đơn được thừa kế từ cha, mẹ 0,5 sào. Khi biết được việc làm của ông Trần Sỹ H3 nguyên đơn đã làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã X. Tại phiên hoà giải ngày 23/07/2020 ông Trần Sỹ H3 đồng ý giao trả lại cho nguyên đơn phần đất tranh chấp nhưng không giao lại cho nguyên đơn đúng với vị trí mà trước kia ông Trần Đình H5 đã chỉ định. Do đó nguyên đơn yêu cầu: Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh P cấp cho ông Trần Sỹ H3; Buộc ông Trần Sỹ H3 phải giao lại cho

nguyên đơn phần đất vườn dừa ở vị trí phía tây đúng như "văn tự thuận di chúc" của cha, mẹ lập ngày 08/11/1973, như đo đạc thực tế là 3.404,8m^2. Năm 2022, nguyên đơn chết, những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết theo đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Sỹ H3 *trình bày:*

Theo văn tự lập ngày 08/11/1973, cha tôi (ông Trần Đình H5) "chỉ định" cho em (ông Trần Đình H6) 0,5 sào đất, diện tích 250m^2 theo đúng di chúc. Ông Trần Đình H5 chỉ định ông Trần Đình H6 "chỉ được cất nhà ở, không được phép mua bán, trao đổi ở bất kì hình thức nào". Nhưng ông Trần Đình H6 không nhận cho đến khi cha ông qua đời và để lại phần đất trên cho ông nhận để cúng kính, hương khói ông bà. Việc ông L cho rằng cha là Trần Đình H5 đã chỉ định cho ông P phần đất phía Tây có 50 cây dừa cùng ngày có văn bản di chúc, khi đó ông còn nhỏ nên không biết có hay không, riêng về những người làm chứng ông L cung cấp thì người còn sống là cha ông Lập, trước giờ mâu thuẫn đất cát với với bị đơn nên cho rằng không khách quan.

Năm 2015 ông làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguyên đơn và bị đơn đến UBND xã X để làm "Giấy ủy quyền" về phần đất mà ông H6 được chỉ định theo di chúc. Lúc này ông Trần Đình H6 sức khỏe vẫn còn tốt, hoàn toàn minh mẫn để làm giấy ủy quyền. Lúc đến xã làm giấy ủy quyền có sự chứng kiến của ông Trần Văn H9 (tư pháp xã X) và ông Trần Thanh P2 (Phó Chủ tịch xã X) đã chấp nhận giấy ủy quyền đó là hợp lệ. Bị đơn được Sở T, địa chính thị xã S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích là 11.426,1m^2 trong đó có 500 m^2 thổ cư. Do đó ông không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Từ năm 2000 ông quay về nhận lại đất và trồng cây keo sẻ để xác định ranh giới, chỉ có gia đình ông trồng không ai tranh chấp, trước đây có một số cây có sẵn trên đất khoảng 7 đến 8 cây thân lớn bằng ngón tay, đến năm 2013 ông thuê người trồng thêm keo lai rất nhiều người biết.

Đối với biên bản hòa giải lập ngày 23/7/2020, khi đó ông P còn sống cần chỗ ở nên đồng ý giao đất cho ông P xây dựng nhà ở theo chỉ định của ông nhưng ông P không đồng ý nên ông thay đổi ý kiến, không giao cho nguyên đơn bất kì phần đất nào và hiện nay ông đã rào giậu, trồng trụ bê tông kéo lưới B40 toàn bộ thửa đất từ năm 2021, nên đề nghị tòa xem xét theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kim L1 *trình bày như bị đơn, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.*

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn X *trình bày:*

Chúc thư cha mẹ phân chia rõ ràng ông Trần Đình H5 (cha bị đơn) nhận 1 sào đất gắn liền nhà từ đường; còn nguyên đơn nhận 0,5 sào có giới cận: Đông giáp nhà bị đơn; Tây giáp nhà ông H10; Nam giáp nhà Nguyễn Ấ; Bắc giáp nhà ông R. Ông Trần Sỹ H3 đã tự ý kê khai và làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kể cả phần đất của nguyên đơn, nhưng không hỏi ý kiến của chúng tôi nên bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn 1/3 diện tích đất như hiện trạng. Trước đây ông là người trực tiếp sử dụng đất và kê khai, việc trồng cây keo xung quanh đất là do ông trồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H4 *(chết) có văn bản trình bày:*

Bà là chị ruột của nguyên đơn đất tranh chấp là do cha mẹ tạo lập, cha mẹ đã phân chia cho nguyên đơn 1/3 còn lại diện tích đất gắn liền nhà từ đường là của cha bị đơn ông Trần Đình H5, chúc thư lập năm 1973 các anh chị em trong gia đình đều ký được UBND xã X xác nhận, bị đơn lấn chiếm đất của nguyên đơn là trái pháp luật nên phải trả lại cho nguyên đơn đúng như diện tích đã phân chia.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định:

Căn cứ Điều 26, 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn P (chết) theo đơn khởi kiện ngày 21/8/2020, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm các ông, bà Trần Nhật H, Trần Nhật H1, Trần Thị Trúc H2. Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông P ủy quyền cho ông Trần Văn L được quyền sở hữu toàn bộ cây keo, 21 cây dừa, 01 cây xoài, 01 cây đu đủ, 02 cây mãng cầu ta và toàn bộ công trình vật kiến trúc: 01 chuồng gà diện tích 13,6m2; Tường rào lưới B40 có móng trụ bê tông đúc sẵn 12cmx 12cm chiều dài 191m và chiều cao1,8m xây dựng năm 2021 gắn liền quyền sử dụng đất **3.404,8m^2** có giới cận: Đông giáp nhà đất còn lại của ông Trần Sỹ H3; Tây giáp đường đi chung; Nam giáp đất ông Nguyễn G; Bắc giáp đất ông P3, tọa lạc tại thôn T, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. (kèm theo sơ đồ hiện trạng do TAND thị xã Sông Cầu lập ngày 28/3/2022). Nhưng phải trả lại giá trị toàn bộ tài sản có trên đất cho vợ chồng bà Huỳnh Thị Kim L1, ông Trần Sỹ H3 96.186.600đ (*chín mươi sáu triệu một trăm tám sáu ngàn sáu trăm đồng).*

Buộc vợ chồng ông Trần Sỹ H3 phải có nghĩa vụ giao lại toàn bộ tài sản gắn liền quyền sử dụng đất cho nguyên đơn, đúng như hiện trạng trên.

Hủy giấy chứng nhận QSD đất vào sổ số CS 02430 Sở TNMT tỉnh P cấp ngày 24/9/2019 thuộc thửa số 263, tờ bản đồ 06-ĐC, đứng tên ông Trần Sỹ H3. Buộc ông Trần Sỹ H3 phải giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho cơ quan có thẩm quyền, để cấp lại giấy chứng nhận lại quyền sử dụng đất như bản án đã tuyên. Các đương sự được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi có yêu cầu.

Hai bên phải tạo điều kiện cho chủ ngôi mộ đi lại tảo mộ và thực hiện quyền của mình theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo

Ngày 19/6/2023, bị đơn ông *Trần Sỹ H3* nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: bản án sơ thẩm xét xử chưa khách quan, xâm phạm đến quyền lợi của ông.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Người kháng cáo ông Trần Sỹ H3 giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn ông Trần Sỹ H3 *trình bày:*

Ông Trần Sỹ H3 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất đang tranh chấp và ông H3 đã thế chấp quyền sử dụng thửa đất này cho Ngân hàng để vay tiền. Bản án sơ thẩm tuyên huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng; đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 250m^2 đất bằng giá trị. Bị đơn Trần Sỹ H3 chịu trách nhiệm trả khoản nợ vay cho Ngân hàng.

Người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn ông Trần Văn P *trình bày:*

Di chúc của ông ông Trần C và bà Võ Thị M để lại vườn dừa có nhà ở diện tích 1,5 sào, trong đó giao cho ông Trần Đình H5 1 sào, giao cho ông Trần Văn P 0,5 sào. Thửa đất có ranh giới tứ cận rõ ràng, hiện diện tích thửa đất đo đạc thực tế là 11.426,1m^2, nên ông P yêu cầu bị đơn giao 1/3 thửa đất, tương ứng diện tích 3.404,8m^2 là có căn cứ, phù hợp với nội dung di chúc. Do đó, ý kiến của bị đơn đề nghị chỉ giao 250m^2 là không có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Thửa đất đang tranh chấp diện tích 3.404,8m^2 là một phần của thửa đất số 263, tờ bản đồ số 06-ĐC, diện tích 11.426,1m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Sỹ H3 và ông H3 đã thế chấp thửa đất này cho Ngân hàng vay số tiền 600.000.000đ. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên huỷ bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Nguồn gốc đất tranh chấp do cha mẹ của ông Trần Văn P (Trần Đình H6) và ông Trần Đình H5 là ông Trần C và bà Võ Thị M để lại. Các đương sự thừa nhận ông Trần C và bà Võ Thị M lúc còn sống đã lập Văn tự thuận di chúc ngày 08/11/1973 phân chia ruộng, đất cho các con, được Uỷ ban hành chính xã X chứng thực ngày 15/11/1973.

[2] Văn tự thuận di chúc lập ngày 08/11/1973 có nội dung:

"Về phần hương hỏa cha Trần C *và mẹ* Võ Thị M*:*

Vườn dừa có nhà ở kê bảng kê trên là thứ I, Diện tích I sào (còn nửa sào để cho Trần Đình H6*) - Do* Trần Đình H5 *chỉ định phân cho em (để chúng có chỗ cất nhà ở) Giới hạng: Y như bảng kê trên.*

……

Phần hương hỏa này thuận trí giao cho con trai Trần Đình H5 *được nhận lãnh để sau này thường năm lo hương khói cúng kỵ cha mẹ với những người theo thủ tục sau khi chết và được truyền tử lưu tôn".*

[3] Di chúc thể hiện vườn dừa có nhà ở có diện tích 1,5 sào, có giới cận Đông giáp Nguyễn S1, T1 giáp Nguyễn H11, Nam giáp Nguyễn Ấ, B giáp Trần Rình . Theo biên bản xem xét thẩm định tại chổ ngày 18/3/2022 của Toà án nhân dân thị xã Sông Cầu, thửa đất ông Trần Sỹ H3 đang quản lý sử dụng có giới cận:

Đông giáp đất ông Nguyễn S1, Tây giáp đường đi, Nam giáp đất ông Nguyễn G, Bắc giáp đất ông P3, L2.

[4] Các đương sự đều thừa nhận di chúc có nội dung: ông C, bà M để lại 1,5 sào đất cho ông Trần Đình H5, trong đó ông Trần Đình H5 chỉ định 0,5 sào cho ông Trần Đình H6 (P). Diện tích theo quy đổi 1 sào trung bộ là 500m^2, trong trường hợp ranh giới sử dụng đất từ trước đến nay không thay đổi, không có tranh chấp thì cần xem xét trên toàn bộ diện tích đất 11.426,1m^2.

[5] Về "Giấy ủy quyền đất" lập ngày 13/8/2015 có nội dung ông Trần Văn P uỷ quyền cho ông Trần Sỹ H3 trông coi cúng kỵ và trọn quyền sử dụng; đến năm 2019 ông Trần Sỹ H3 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, tại biên bản hoà giải ngày 23/7/2020 tại xã X, ông Trần Sỹ H3 đồng ý giao đất cho ông P nhưng ông P yêu cầu người giao đất là ông Trần Đình H5 (đã chết) nên việc hoà giải không thành.

[6] Các đương sự đều công nhận di chúc, nên các nội dung trong di chúc có hiệu lực, do đó yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn giao đất theo di chúc là có cơ sở chấp nhận.

[7] Theo bản di chúc, trong tổng thể 1,5 sào đất có giới cận Đông giáp Nguyễn S, T1 giáp Nguyễn H11, Nam giáp Nguyễn Ấ, B giáp Trần R1 có 0,5 sào giao cho ông Trần Văn P, nên việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ thửa đất ngày 24/9/2019 cho ông Trần Sỹ H3 là không đúng thủ tục quy định của pháp luật.

[8] Tuy nhiên, sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 18/8/2020 ông Trần Sỹ H3 ký Hợp đồng tín dụng số 4603-LAV-2020002207 với Ngân hàng N1– Chi nhánh thị xã S, tỉnh Phú Yên vay số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng. Tài sản thế chấp là thửa đất số 263, tờ bản đồ số 06-ĐC, diện tích 11.426,1m^2 tại T, X theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4603 – LCP - 202001412 ngày 14/8/2020. Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 4603-LAV-2020002207 ngày 18/8/2020 đã được tất toán và ông H3 vay lại số tiền 700.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng số 4603-LAV-202202419 ngày 30/8/2022 và tiếp tục thế chấp thửa đất trên. Đến nay, ông H3 vẫn còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 700.000.000đ, thửa đất số 263 mà các bên đang tranh chấp là tài sản thế chấp cho Ngân hàng.

[9] Tòa án cấp sơ thẩm tuyên huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 263 nhưng không đưa Ngân hàng N1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng N1 – Chi nhánh thị xã S, tỉnh Phú Yên.

[10] Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Sỹ H3, huỷ bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Sỹ H3;

2. Huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên;
3. Giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm;
4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trần Sỹ H3 không phải chịu; hoàn trả ông Trần Sỹ H3 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0000459 ngày 19/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Tự